

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lem

Ông Lê Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến Linh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên

Ngày 27/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2021/TLST-HNGĐ, ngày 11/11/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/12/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 16, ấp BT, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Anh Lục Nhật T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Số 189, tổ 1, ấp BT, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre

Tất cả đương sự có mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Chị và anh Lục Nhật T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2017. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến những năm gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dần dần mâu thuẫn ngày càng tăng, tình cảm vợ chồng cũng vì vậy mà rạn nứt. Hiện tại chị và anh T đã ly thân được khoảng 1 tháng, cả 2 đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không thể nào hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Lục Nhật T nữa, chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Lục Nhật T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn

- Về con chung: Chị L và anh Lục Nhật T có 1 con chung: Lục Khánh N,

sinh ngày 26/02/2013 hiện đang sống với cha; chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, do anh T cương quyết yêu cầu được nuôi con nên chị đồng ý để anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu N, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
Theo bị đơn anh Lục Nhật T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Trúc L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B vào năm 2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống ở nhà riêng tại ấp BT, xã B, vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến đầu tháng 9/2021 vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hiểu nhau, anh chị đã ly thân hơn 1 tháng nay. Nay chị L xin ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Anh T không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L, anh muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nuôi con. Tuy nhiên, nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: Anh T và chị Nguyễn Thị Trúc L có 1 con chung: Lục Khánh N, sinh ngày 26/02/2013 hiện đang sống với cha. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng 1 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Anh T khai không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay,

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ban đầu.

Bị đơn anh Lục Nhật T đồng ý ly hôn với chị L nhưng không đồng ý việc chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng, anh T yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con 1 lần với số tiền 30.000.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Trúc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Chị Nguyễn Thị Trúc L khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét cho chị được ly hôn với anh Lục Nhật T và được trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

- Bị đơn anh Lục Nhật Thành hiện đang cư trú tại ấp BT, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lục Nhật T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, chị L cho rằng chị và anh T bất đồng quan điểm sống, dần dần mâu thuẫn ngày càng tăng, tình cảm vợ chồng cũng vì vậy mà rạn nứt. Hiện tại chị và anh T đã ly thân được khoảng 1 tháng, cả 2 đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân đã không còn hạnh phúc. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh T nữa nên cương quyết xin được ly hôn. Về phía anh T, anh cũng thừa nhận khoảng đầu tháng 9/2021 vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do không hiểu nhau, anh nghi ngờ chị L có người đàn ông khác, anh chị đã ly thân hơn 1 tháng nay. Anh không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Trúc L, nhưng nếu chị L cương quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn với chị L.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lục Nhật T là có thật và cả hai không tìm cách tháo gỡ được làm cho hôn nhân giữa anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện tại chị L và anh T mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm giúp đỡ lẫn nhau nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lục Nhật T có 1 con chung là cháu Lục Khánh N, sinh ngày 26/02/2013 hiện đang sống với cha. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu chị L cấp dưỡng 1 lần với số tiền 30.000.000 đồng. Chị L đồng ý để anh T trực tiếp nuôi con nhưng chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng.

Xét thấy cháu Lục Khánh N hiện đang sống với cha và có cuộc sống, học tập, sinh hoạt ổn định. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi con thì phía chị L cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận để anh T là người trực tiếp nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng xét thấy, việc chị L cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho cháu N so với việc cấp dưỡng 1 lần với số tiền 30.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L, không chấp nhận yêu cầu của anh T, buộc chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai không có, anh Lục Nhật T khai không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lục Nhật T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G là phù hợp

với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc L đối với bị đơn anh Lục Nhật T, cụ thể tuyên:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Trúc L được ly hôn với anh Lục Nhật T.

- Về con chung: Anh Lục Nhật T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lục Khánh N, sinh ngày 26/02/2013 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Trúc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Trúc L được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích về mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên đương sự được quyền yêu cầu Tòa án xem xét thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L khai không có, anh Lục Nhật T khai không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Trúc L và anh Lục Nhật T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002072 ngày 10/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre. Chị L còn phải nộp thêm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã B, H. G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương